

Số: **221** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH 888

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTr ngày 07/7/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH 888; ngày 12/8/2022, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 291/QĐ-TTr đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH 888 (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 30/8/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH 888.
2. Trụ sở chính: xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
3. Điện thoại liên hệ: 0237 3.999.888.
4. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801815008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 09/3/2021, lần thứ 5 ngày 15/3/2021.
6. Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh: sản xuất, kinh doanh ngành hàng may mặc.



7. Tài khoản ngân hàng số 0781000111888 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2021: doanh thu đạt 188.058.153.156 đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 568.839.849 đồng; thu nhập bình quân 5.935.585 đồng/tháng.

- Năm 2022 (06 tháng đầu năm): doanh thu đạt 88.018.477.411 đồng; lợi nhuận sau thuế là (-)2.648.000.000 đồng; thu nhập bình quân 6.133.829 đồng/tháng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng lao động và đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)

1.1. Tình hình quản lý, sử dụng lao động

a) Tại thời điểm thanh tra, tổng số lao động đơn vị sử dụng là 952 người, chi tiết như sau:

STT	Lao động đơn vị sử dụng	Năm 2021 (31/12/2021)	Năm 2022 (Thời điểm thanh tra)
1	Lao động đã giao kết hợp đồng	1.290	952
	- <i>Thử việc, học nghề, tập nghề</i>	0	0
	- <i>Dưới 01 tháng</i>	243	9
	- <i>Từ 01 tháng đến 36 tháng</i>	400	516
	- <i>Không xác định thời hạn</i>	469	427
2	Lao động không giao kết hợp đồng	0	0
	Cộng	1.290	952

b) Số lao động thuộc diện phải ký hợp đồng lao động nhưng chưa ký: không.

c) Việc thông báo tình hình biến động lao động cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa: trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không thông báo tình hình biến động lao động việc làm tới Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa (Mẫu số 29 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Cụ thể: từ tháng 01/2021 đến tháng 07/2022 có biến động lao động, nhưng không thông báo tới Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

a) Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho người lao động:

STT	Lao động đơn vị sử dụng	Năm 2021 (31/12/2021)	Năm 2022 (Thời điểm thanh tra)
1	Lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN	1.290	952
	- Đã đăng ký tham gia	1.047	943
	- Chưa đăng ký tham gia	243	9
2	Lao động không thuộc diện phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN	0	0
	Cộng	1.290	952

Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia: tại thời điểm thanh tra, có 09 lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia (09 lao động mới ký kết hợp đồng lao động, chưa hết thời hạn 30 ngày đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN).

b) Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: không.

c) Việc thực hiện các chế độ đối với những lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc: không phát sinh.

2. Tiền lương và trả công lao động

a) Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.640.000 đồng (Bảng mức lương tối thiểu vùng III, quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022).

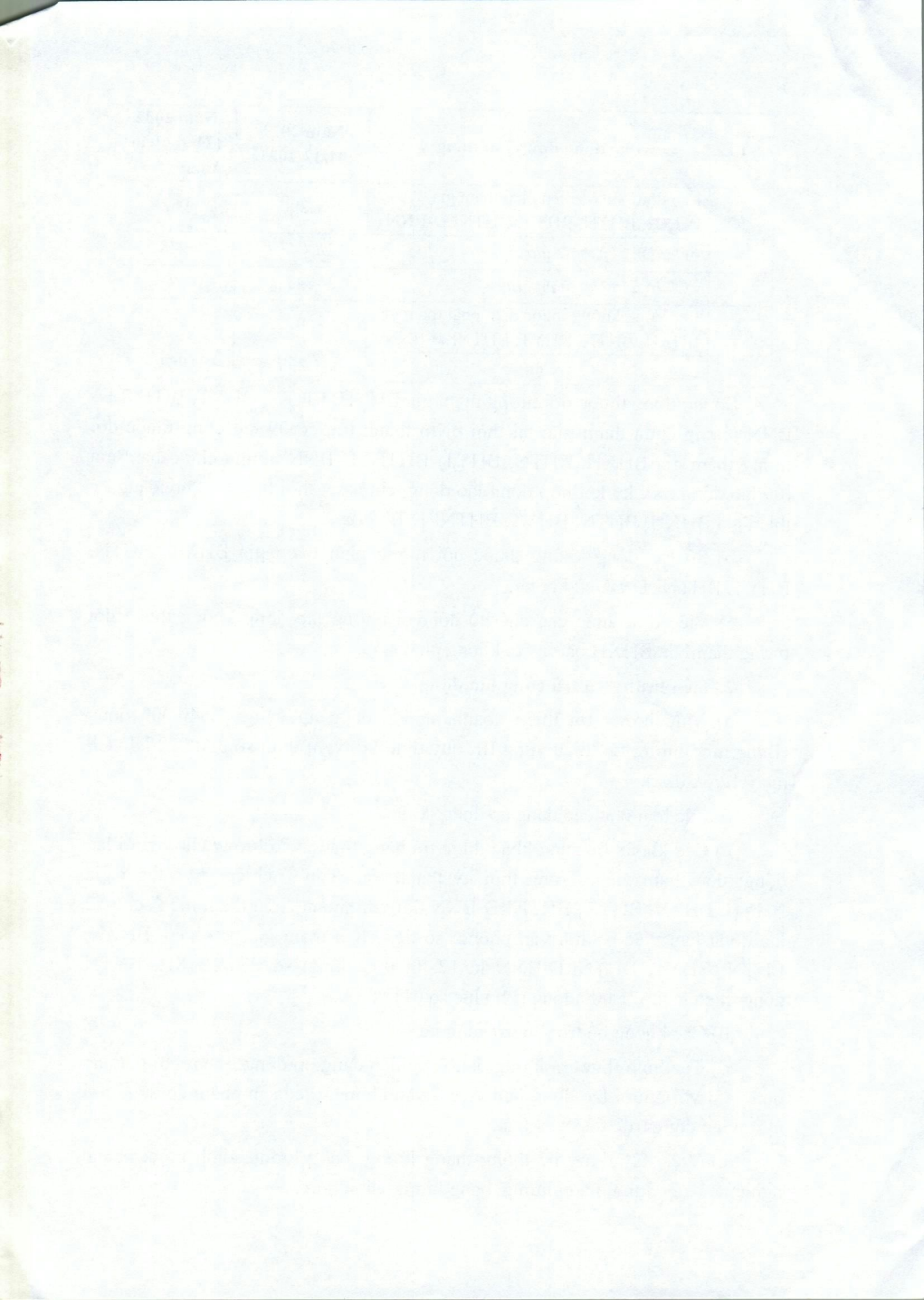
b) Các loại phụ cấp đang áp dụng: không

c) Các khoản bổ sung khác được trả hằng tháng vào lương cho người lao động: tiền thâm niên. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đối với khoản “tiền thâm niên” cho 72 lao động làm việc ở khối văn phòng; số tiền chưa tham gia bảo hiểm BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN là 17.300.000 đồng; số tiền BHXH, BHTN đóng thiếu là 4.671.000 đồng (Phụ lục số 01).

d) Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ xăng xe.

đ) Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian áp dụng đối với người lao động làm việc ở văn phòng, theo sản phẩm áp dụng với người lao động trực tiếp sản xuất.

e) Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, định mức: doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức.



3. Việc thu nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

a) Việc trích, nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN từ lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung phải tham gia của người lao động: doanh nghiệp trích, nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN từ mức lương (lương cơ bản theo thang lương, bảng lương) theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động đúng tỷ lệ quy định.

b) Tình hình nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022 (đến thời điểm thanh tra)
1. Tổng quỹ lương trích nộp BHXH:	48.817.773.000	26.591.863.000
2. Tổng số phải nộp:	15.533.118.655	8.050.863.116
2.1. Phát sinh trong kỳ	15.533.118.655	8.050.863.116
2.2. Thiếu kỳ trước chuyển sang:	0	0
2.3. Thừa kỳ trước chuyển sang:	0	0
3. Số đã nộp:	15.533.118.655	8.050.863.116
3.1. Thừa so với đăng ký:	0	0
3.2. Thiếu so với đăng ký	0	0
+ Trong đó: BHXH, BHTN:	0	0
4. Số lãi chậm nộp:	0	0
5. Tổng số tiền phải nộp ((3.2) + (4))	0	0

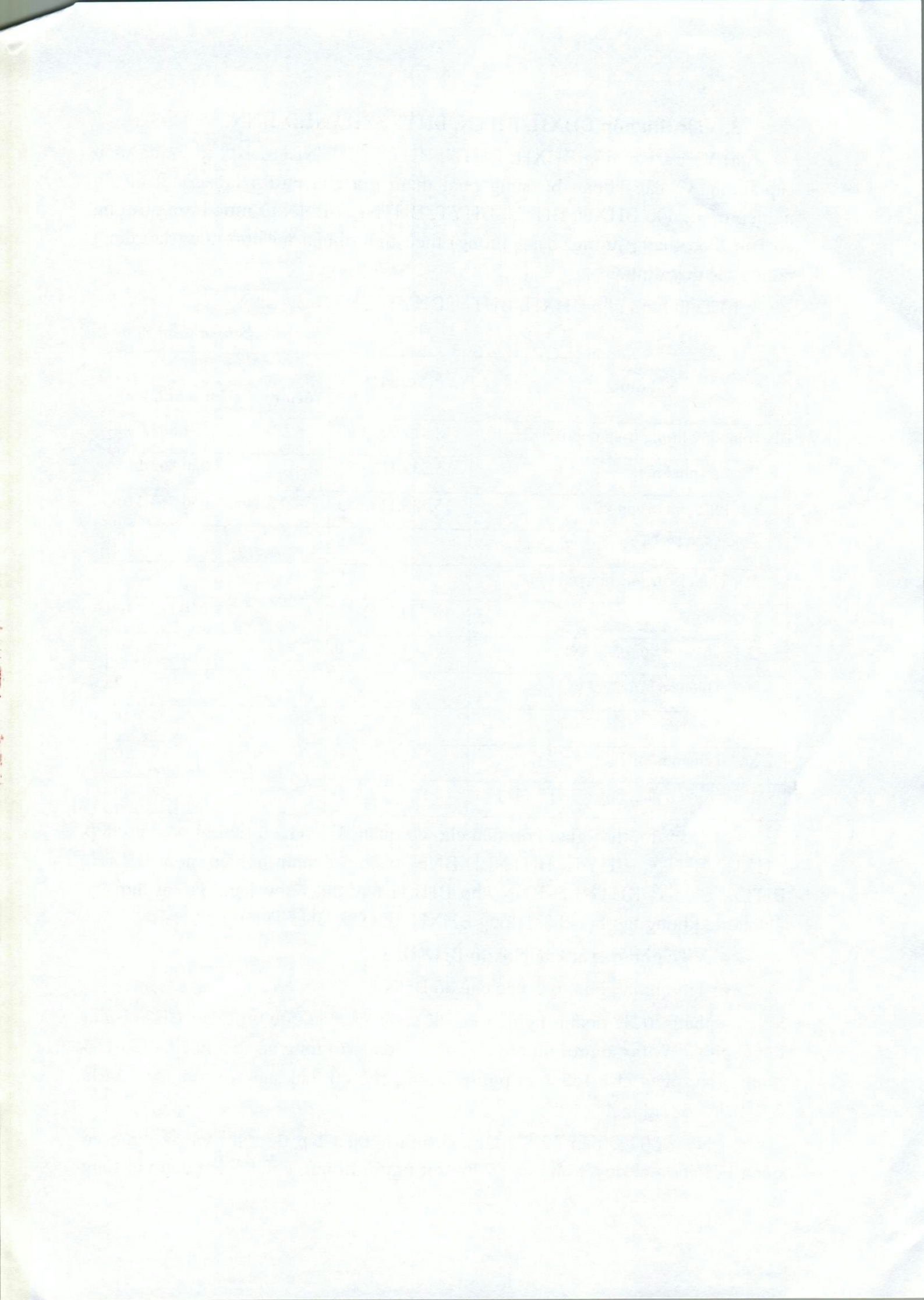
c) Tiến độ, thời gian nộp tiền cho cơ quan BHXH, số tiền bị phạt do nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN chậm: doanh nghiệp nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho BHXH đầy đủ, đúng hạn; Trong thời kỳ thanh tra, không bị phạt chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN.

4. Việc giải quyết các chế độ BHXH

a) Tình hình giải quyết các chế độ BHXH

- Năm 2021: doanh nghiệp lập đề nghị và đã được cơ quan BHXH giải quyết cho 217 lượt người hưởng chế độ ốm đau với tổng số tiền là 172.423.134 đồng; giải quyết cho 152 lượt người hưởng chế độ thai sản với tổng số tiền là 2.918.965.582 đồng.

- Năm 2022 (đến 12/8/2022), doanh nghiệp lập đề nghị và đã được cơ quan BHXH giải quyết cho cho 796 lượt người hưởng chế độ ốm đau với tổng



số tiền là 721.349.949 đồng; giải quyết cho 74 lượt người hưởng chế độ thai sản với tổng số tiền là 1.391.272.384 đồng.

b) Việc thực hiện trách nhiệm của đơn vị trong việc lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ cho người lao động khi có đủ điều kiện: doanh nghiệp thực hiện kịp thời, đúng quy định đảm bảo quyền lợi của người lao động.

c) Số lao động đủ điều kiện hưởng chế độ BHXH nhưng chưa được giải quyết: không.

5. Việc trả sổ BHXH cho người lao động

a) Trả sổ BHXH cho người lao động: doanh nghiệp đã phối hợp với cơ quan BHXH trả sổ BHXH cho người lao động, xác nhận thời gian đóng BHXH khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.

b) Số sổ BHXH hiện tại đơn vị còn lưu giữ, chưa trả cho người lao động: tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đang lưu giữ 216 tờ rời xác nhận thời gian đóng bảo hiểm. Lý do chưa trả: doanh nghiệp đã liên hệ với người lao động để người lao động đến nhận, nhưng người lao động chưa đến nhận.

6. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP)

6.1. Chính sách giảm mức đóng BHTNLĐ-BNN

- Từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2022, doanh nghiệp đã được giảm mức đóng BHTNLĐ-BNN với tổng số tiền là 230.012.435 đồng, chi tiết như sau:

STT	Tháng/năm	Tiền lương tháng đóng BHXH (đồng)	Số tiền được giảm đóng (đồng)
1	07/2021	4.210.948.000	21.054.740
2	08/2021	3.792.556.000	18.962.780
3	09/2021	3.807.468.000	19.037.340
4	10/2021	3.858.060.000	19.290.300
5	11/2021	3.787.312.000	18.936.560
6	12/2021	3.915.230.000	19.576.150
7	01/2022	3.988.018.000	19.940.090
8	02/2022	3.988.018.000	19.940.090

9	03/2022	3.764.545.000	18.822.725
10	04/2022	3.662.206.000	18.311.030
11	05/2022	3.635.279.000	18.176.395
12	06/2022	3.592.847.000	17.964.235
Cộng		46.002.487.000	230.012.435

- Doanh nghiệp đã hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ giảm đóng vào Quỹ BHTNLD-BNN cho người lao động phòng, chống dịch Covid-19, cụ thể: đã chi mua nước rửa tay khô, bình nước và muối trắng pha nước súc miệng, tăm bông y tế, bình phun khử khuẩn, kit test nhanh Covid-19.

6.2. Chính sách tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí, tử tuất: không phát sinh.

6.3. Chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động: không phát sinh.

6.4. Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; người lao động ngừng việc; người lao động chấm dứt hợp đồng lao động: không phát sinh.

6.5. Chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất: không phát sinh.

6.6. Chính sách hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ BHTN

Đến thời điểm thanh tra, có 1.002 người lao động được hỗ trợ tiền từ kết dư Quỹ BHTN với tổng số tiền là 2.314.350.000 đồng, chi tiết như sau:

STT	Mức hỗ trợ (đồng/người)	Số người	Thành tiền (đồng)
1	1.800.000	56	100.800.000
2	2.100.000	452	949.200.000
3	2.400.000	230	552.000.000
4	2.650.000	229	606.850.000
5	2.900.000	25	72.500.000
6	3.300.000	10	33.000.000
Cộng		1.002	2.314.350.000

6.7. Chính sách giảm mức đóng vào Quỹ BHTN

- Từ tháng 10/2021 đến tháng 07/2022, doanh nghiệp được giảm mức đóng vào Quỹ BHTN với tổng số tiền giảm đóng là 381.524.650 đồng, chi tiết như sau:

STT	Tháng/năm	Tiền lương tháng đóng BHXH (đồng)	Số tiền được giảm đóng (đồng)
1	10/2021	3.858.060.000	38.580.600
2	11/2021	3.787.312.000	37.873.120
3	12/2021	3.915.230.000	39.152.300
4	01/2022	3.988.018.000	39.880.180
5	02/2022	3.988.018.000	39.880.180
6	03/2022	3.764.545.000	37.645.450
7	04/2022	3.662.206.000	36.622.060
8	05/2022	3.635.279.000	36.352.790
9	06/2022	3.592.847.000	35.928.470
10	07/2022	3.960.950.000	39.609.500
Cộng		38.152.465.000	381.524.650

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã ký hợp đồng lao động bằng văn bản đối với toàn bộ người lao động làm việc tại doanh nghiệp.

1.2. Hợp đồng lao động đã ghi đầy đủ các nội dung chủ yếu của hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động.

1.3. Đã đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho toàn bộ người lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN theo quy định.

1.5. Mức lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng không thấp mức lương tối thiểu vùng.

1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.8. Đã nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đúng thời hạn quy định.

1.9. Đã kịp thời lập, phối hợp với BHXH giải quyết chế độ BHXH cho người lao động.

1.10. Doanh nghiệp và người lao động đã được hỗ trợ đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ), gồm: chính sách giảm mức đóng BHTNLĐ-BNN, chính sách hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ BHTN, chính sách giảm mức đóng vào Quỹ BHTN.

2. Những quy định của pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Không thông báo tình hình biến động lao động việc làm cho Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Thanh Hóa khi có biến động về lao động việc làm (nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Mục II Kết luận này) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN.

2.2. Đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho 72 lao động không đúng mức, cụ thể: tiền lương tháng đóng BHXH không bao gồm khoản "tiền thâm niên" (nêu tại điểm c khoản 2 Mục II Kết luận này) là sai quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

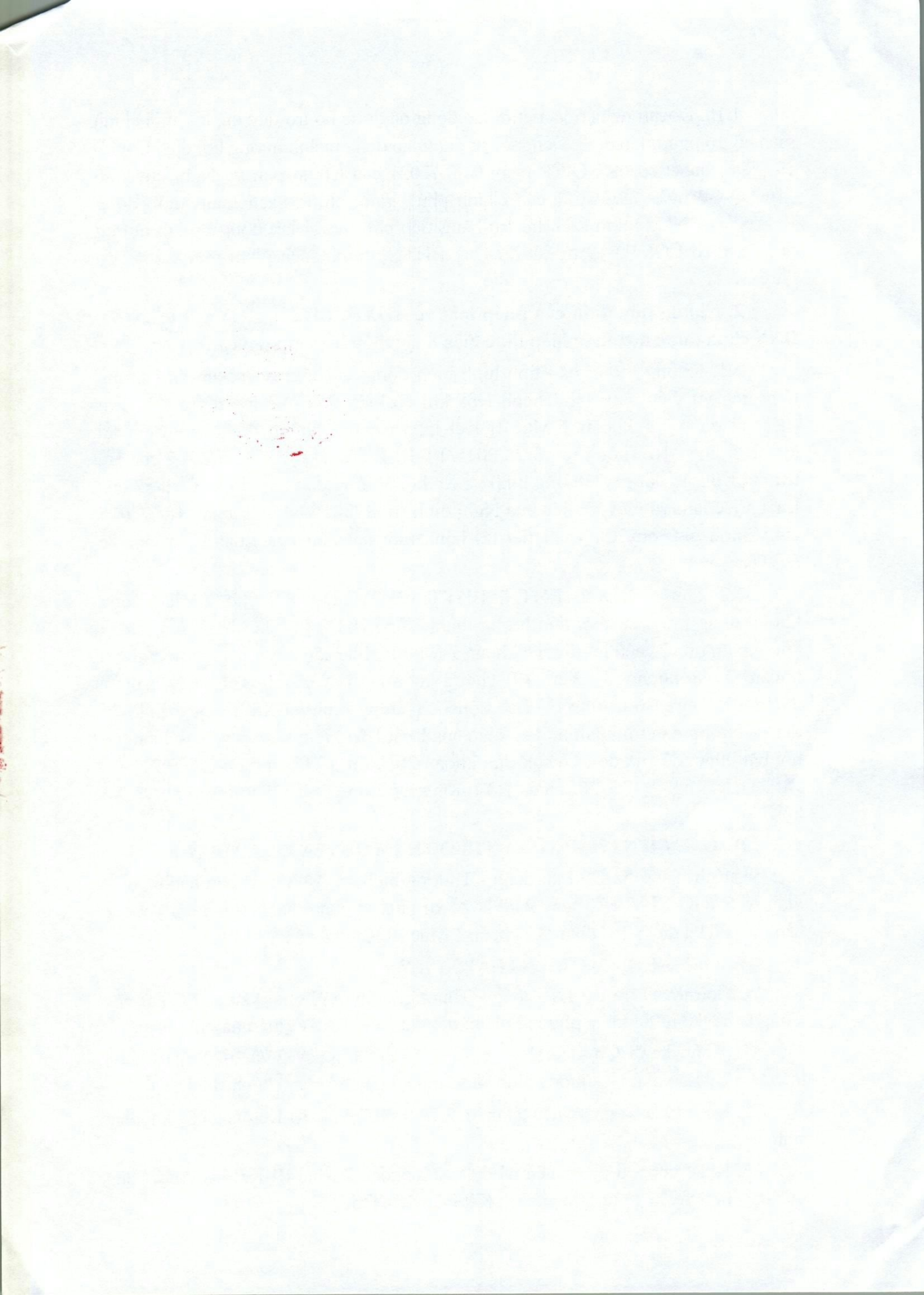
IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 23/8/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi nêu tại điểm 2.1, điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận này.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Giám đốc Công ty TNHH 888 khắc phục vi phạm nêu tại Mục III Kết luận này như sau:

1. Chấp hành Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 23/8/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và xã hội xử phạt vi phạm hành chính.
2. Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Mục III Kết luận này khi phát sinh.
3. Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.



Yêu cầu Giám đốc Công ty TNHH 888 báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị, gửi kèm theo văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 15/10/2022./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH 888 (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Thanh Hóa (đề t/h);
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa (đề t/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH SÁCH LAO ĐỘNG HƯỞNG TIỀN HỖ TRỢ TIỀN THÂM NIÊN
(Chưa đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)

STT	Họ và tên	Bộ phận	Số tiền hưởng 01 tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Số tiền hưởng chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN (đồng)	Số tiền BHXH, BHTN đóng thiếu (đồng)	Số tiền BHYT, BHTNLĐ-BNN đóng thiếu (đồng)
(1)	(2)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8) x 27%	(10)=(8) x 5%
1	Mai Xuân Bằng	K.Hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
2	Lê Văn Bắc	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
3	Lại Hữu Duy	K.hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
4	Hoàng Thị Phụng	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
5	Trần Văn Bình	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
6	Vương Thị Hạnh	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000
7	Cao Thị Liên	K.Hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
8	Nguyễn Thị Tuyết	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000
9	Nguyễn Thị Linh	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
10	Vũ Thị Tuyết	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000
11	Bùi Thị Huệ	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000
12	Lê Thị Hà	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
13	La Thị Hoa	K.hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
14	Vũ Thị Nụ	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
15	Phạm Thị Ân	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
16	Bùi Thị Vân	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
17	Trịnh Việt Đức	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
18	Lê Thị Hằng	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
19	Trần Văn Trung	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
20	Nguyễn Thị Huyền	Q.Trị	300,000	1	300,000	81,000	15,000
21	Lê Thị Thu	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
22	Nguyễn Thị Phương	K.thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
23	Bùi Thị Anh	K.hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
24	Đỗ Ngọc Chung	K.Thuật	300,000	1	300,000	81,000	15,000
25	Trần Thị Hiền	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000

STT	Họ và tên	Bộ phận	Số tiền hưởng 01 tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Số tiền hưởng chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN (đồng)	Số tiền BHXH, BHTN đóng thiếu (đồng)	Số tiền BHYT, BHTNLĐ-BNN đóng thiếu (đồng)
26	Trần Văn Quyền	K.hoạch	300,000	1	300,000	81,000	15,000
27	Tổng Thị Nhường	Q.Trị	250,000	1	250,000	67,500	12,500
28	Bùi Thị Ngọc	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
29	Lê Thị Toàn	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
30	Đàm Thị Mơ	VP	300,000	1	300,000	81,000	15,000
31	Lê Thị Hoa	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
32	Phạm Thị Hoa	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
33	Lê Đức Trung	K.hoạch	250,000	1	250,000	67,500	12,500
34	Đỗ Thị Lý	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
35	Nguyễn Thừa Khánh	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
36	Lê Văn Hải	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
37	Trần Thị Trang	K.Hoạch	250,000	1	250,000	67,500	12,500
38	Nguyễn Thị Thảo	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
39	Nguyễn Văn Bình	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
40	Hoàng Xuân Chương	K.thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
41	Đào Thị Linh	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
42	Nguyễn Thị Phương	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
43	Nguyễn Thị Phương	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
44	Hoàng Thị Nga	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
45	Cao Thị Phương	K.Hoạch	250,000	1	250,000	67,500	12,500
46	Đinh Thị Yên	K.thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
47	Trần Khắc Tuấn	K.hoạch	250,000	1	250,000	67,500	12,500
48	Hoàng Thị Đào	K.Thuật	250,000	1	250,000	67,500	12,500
49	Nguyễn Thị Hải	K.Hoạch	200,000	1	200,000	54,000	10,000
50	Nguyễn Thị Hoàng Anh	K.hoạch	200,000	1	200,000	54,000	10,000
51	Ngô Văn Khuê	K.hoạch	200,000	1	200,000	54,000	10,000
52	Lê Văn Phước	Hỗ trợ SD	200,000	1	200,000	54,000	10,000
53	Phạm Thị Quỳnh	K.Thuật	200,000	1	200,000	54,000	10,000
54	Nguyễn Thị Hà	K.Thuật	200,000	1	200,000	54,000	10,000

STT	Họ và tên	Bộ phận	Số tiền hưởng 01 tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Số tiền hưởng chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN (đồng)	Số tiền BHXH, BHYT, BHTN đóng thiếu (đồng)	Số tiền BHYT, BHTNLĐ-BNN đóng thiếu (đồng)
55	Hoàng Thị Tuyết	K.Thuật	200,000	1	200,000	54,000	10,000
56	Lê Thị Hạnh	K.hoạch	200,000	1	200,000	54,000	10,000
57	Đào Thị Nga	K.thuật	200,000	1	200,000	54,000	10,000
58	Trịnh Việt Hùng	K.hoạch	200,000	1	200,000	54,000	10,000
59	Nguyễn Phương Nam	K.hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
60	Lê Văn Sơn	K.hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
61	Vũ Văn Tuyển	VP	150,000	1	150,000	40,500	7,500
62	Nguyễn Hồng Linh	K.hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
63	Lê Thị Lan	K.Thuật	150,000	1	150,000	40,500	7,500
64	Lê Văn Trung	K.Hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
65	Nguyễn Thị Hải	K.Thuật	150,000	1	150,000	40,500	7,500
66	Hoàng Thị Nga	K.Hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
67	Lê Thị Nhung	K.Hoạch	150,000	1	150,000	40,500	7,500
68	Đỗ Thị Trinh	K.Thuật	150,000	1	150,000	40,500	7,500
69	Nguyễn Thị Hạnh	K.Thuật	150,000	1	150,000	40,500	7,500
70	Hoàng Thị Hà	Q.Trị	50,000	1	50,000	13,500	2,500
71	Hoàng Thị Phương	K.Thuật	50,000	1	50,000	13,500	2,500
72	Lê Thị Nga	VP	200,000	1	200,000	54,000	10,000
Cộng					17,300,000	4,671,000	865,000

100